

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Công ty cổ phần Nước khoáng  
Quy Nhơn tại số 249 đường Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Công ty cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn tại số 249 đường Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ Công văn số 3643/UBND-KT ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh về việc quy hoạch đối với khu đất tại số 249 đường Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 565/TTr-STC ngày 14/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Công ty cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn tại số 249 đường Bạch Đằng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

3. Địa điểm, phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng: Khu đất quy hoạch thuộc phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, có giới cận cụ thể như sau:

- Hướng Bắc giáp: Đường Bạch Đằng;
- Phía Nam giáp: Đường Duy Tân;
- Phía Đông giáp: Đường Lê Lợi;
- Phía Tây giáp: Khu dân cư

Tổng diện tích quy hoạch: 0,714 ha.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị theo CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.603.000</b>	<b>37.830.000</b>	<b>38.330.000</b>
1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	4.071.000	4.071.000	4.071.000
2	Chi phí thiết kế quy hoạch	30.959.000	18.575.000	18.575.000
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	740.000	740.000	740.000
4	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch	2.983.000	2.983.000	2.983.000
5	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	3.461.000		0
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	562.000	562.000	562.000
7	Chi phí công bố quy hoạch	928.000		0
8	Chi phí khảo sát địa hình	10.899.000	10.899.000	10.899.000
9	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành			500.000

### 2. Nguồn vốn:

Đơn vị tính: đồng

T	T	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện		
				Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>54.603.000</b>	<b>38.330.000</b>	<b>37.830.000</b>	<b>500.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn Ngân sách nhà nước</b>		<b>38.330.000</b>	<b>37.830.000</b>	<b>500.000</b>	
	- Đã thanh toán năm 2021			37.830.000		
	- Số còn được thanh toán tiếp				500.000	
	- Số phải thu hồi nộp NSNN					

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:** không.

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: **38.330.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

**5. Vật tư thiết bị tổn đọng:** không.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>		<b>38.330.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đã được thanh toán năm 2021</b>	<b>37.830.000</b>	
	Vốn Ngân sách tỉnh	37.830.000	
<b>II</b>	<b>Vốn chưa được thanh toán</b>	<b>500.000</b>	
<b>III</b>	<b>Vốn phải thu hồi nộp NSNN</b>		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

- Tổng nợ phải trả: 500.000 đồng (*Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành*).

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản: không.

**Điều 4.** Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí theo đúng quy định của Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**